

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ BL Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 31/2018/HSST

Ngày 25/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BL– TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1/: Ông Nguyễn Đăng Hoàn

2/: Ông Trần Văn Tuấn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BL .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BL , tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân thị xã BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2018/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Điểu Đ, sinh năm 1988; Nơi đăng ký cư trú: Tổ 02, ấp Sóc V, xã Minh T, huyện HQ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: S'tiêng; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Con ông: Điều N, sinh năm 1951 và bà: ThPh, sinh năm 1954; Vợ: Điều Thị D, sinh năm 1990; có 01 người con tên: Điều Thị Trà M, sinh năm 2012; Có 07 chị em. Lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không; Ngày 27/12/2017 bị khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sau đó bỏ trốn. Đến ngày 28/02/2018 bị bắt theo quyết định truy nã, bị tạm giữ và chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại:

1/ **Điểu K**, sinh năm 1979, (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp PhL, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

2/ **Trần Văn Ngh**, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp ThH, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

3/ **Phan Hoa L**, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố PhH 1, phường PhĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1975 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp ThK, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

1/ **Nguyễn Đăng T1**, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp ThTh, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

2/ **Nguyễn Hữu Tr**, sinh năm 1960 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp ThS, xã ThPh, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 11/2017, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 15/10/2016, bị cáo đến dịch vụ tiệc cưới Hoa Liên thuộc khu phố Ph HI, phường Phú Đ, thị xã BL của vợ chồng chị Phan Hoa L – Vũ Đình Đông. Tại đây bị cáo giả vờ muốn làm tiệc mừng nên nói với chị L là đặt 20 bàn tiệc với giá mỗi bàn là 1.700.000 đồng. Đãi tiệc (ngày tổ chức tiệc) vào ngày 22/10/2016, đãi xong mới thanh toán tiền. Chị L đồng ý nên bị cáo nói tiếp cho bị cáo mượn 16.000.000 đồng để mua bò đãi thêm khi nào xong tiệc thanh toán hết. Để làm tin bị cáo đưa cho chị L 01 giấy chứng minh nhân dân phô tô (có công chứng) ghi tên Điều Đ. Tin tưởng bị cáo mượn tiền để mua bò đãi tiệc nên chị L đã cho bị cáo mượn 16.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bị cáo đi chuộc xe của anh ĐKh hết hơn 10.000.000 đồng (Do trước đó mấy ngày bị cáo mượn xe của anh ĐKh rồi đem cầm cố lấy 10.000.000 đồng). Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày bị cáo gọi điện thoại cho chị L giả vờ nói đã mua được bò rồi bảo chị L cho mượn thêm 3.000.000 đồng để trả tiền xe chở bò. Chị L đồng ý tiếp tục giao cho Đ thêm 3.000.000 đồng nữa tổng cộng là 19.000.000 đồng. Bị cáo không mua

bò cũng không mời khách dự tiệc mà dùng tiền để chuộc xe trả cho anh Kh, mua vé số và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai:

Vào ngày 08/03/2017, bị cáo biết anh Trần Văn Ngh thường hay mua, bán cây cao su thanh lý nên bị cáo dẫn anh Ngh đến vườn cây cao su của anh Nguyễn Hữu Tr, thuộc xã ThL, thị xã BL và giả vờ nói với anh Ngh là vườn này người ta bán cây cao su với giá là 35.000.000 đồng. Anh Ngh xem xong thì đồng ý mua với giá 22.000.000 đồng. Bị cáo không biết ai là chủ vườn cây nhưng vẫn đồng ý bán cho anh Ngh với giá là 22.000.000 đồng rồi viết giấy bán lô cao su thanh lý và nhận tiền ứng trước là 7.000.000 đồng để bị cáo đi đặt cọc cho chủ vườn và hẹn với anh Ngh khoảng 10 ngày sau vào cửa cây thì đưa hết số tiền còn lại. Sau khi lấy được tiền của anh Ngh bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Khi đến hẹn như thỏa thuận anh Ngh đến cửa cây thì chủ vườn là anh Tr không cho cửa và khẳng định không có việc mua bán vườn với bị cáo. Cũng với thủ đoạn giả vờ giới thiệu vườn cây như trên 15/03/2017, bị cáo tiếp tục giới thiệu cho anh Ngh 01 vườn cây cao su khác của nhà bà Nguyễn Thị T, ngụ tại: Tổ 03, ấp 17, xã ThPh, thị xã BL rồi chiếm đoạt của anh Ngh số tiền là 1.000.0000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Lần thứ ba:

Do có quen biết với anh Nguyễn Văn T và biết anh T thường mua, bán cây cao su thanh lý nên khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 07/11/2017, bị cáo dẫn anh T đến vườn cao su của anh Điều K thuộc ấp PhL, xã ThL để môi giới cho anh T mua cây cao su của anh Điều K. Tại đây sau khi thỏa thuận với anh K xong anh T đồng ý mua cây cao su của anh K với giá là 12.500.000 đồng và hẹn khoảng 10 ngày sau sẽ vào cửa cây. Do không có đường để xe ô tô vào vườn chở cây cao su nên anh T và anh K nhờ Đ đi nói chuyện với chị Thị Th (chị ruột của bị cáo) là chủ vườn giáp ranh xin cho xe ô tô đi nhờ qua đất của chị Th để vào vườn của anh K. Để trả công môi giới cho bị cáo, anh T đưa cho bị cáo 500.000 đồng và 200.000 đồng để bị cáo đi xin đường dùm. Anh K cũng đưa cho Đ 500.000 đồng tiền công môi giới và 1.000.000 đồng nhờ bị cáo đưa cho chị Thị Th để chị Th đồng ý cho xe ô tô đi vào chở cây.

Sáng ngày 08/11/2017 bị cáo gặp chị Th và anh Điều R (chồng của Th) để xin đường nhưng chị Th và anh R cho rằng xe ô tô, xe máy cày đi vào sẽ hư vườn, hư cây nên không đồng ý và chỉ đồng ý cho xe ba bánh vào. Không xin

đường đi nhờ được nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh K bằng cách giả vờ nói với anh K là không có đường chở cây ra nên anh T đòi tiền lại rồi bị cáo lấy số tiền đó tiêu xài cá nhân. Cùng lúc đó có Nguyễn Đăng T là bạn của bị cáo điện thoại đòi số tiền 1.000.000 đồng bị cáo nợ T1, bị cáo không nghe máy nhưng sau đó bị cáo điện thoại lại và nói để đòi tiền cọc người này rồi trả cho anh T1. Lúc này bị cáo nghĩ phải có người giả làm anh T thì mới dễ lừa được anh K lấy lại tiền nên bị cáo gọi điện thoại cho T1 và nói cho T1 biết là bị cáo cùng với anh T có mua cây cao su thanh lý của anh K, giờ không có đường để xe ô tô vào chở cây nên bị cáo muốn lấy tiền lại. Vì vậy bị cáo muốn nhờ T1 giả làm anh T nói chuyện qua điện thoại với anh K với nội dung là muốn lấy lại tiền nếu K trả tiền cọc lại thì bị cáo trả nợ cho T1. T1 biết Đức cũng thường cùng bạn bè đi mua các vườn cây cao su thanh lý và nghĩ Đức cùng bạn có đặt cọc tiền thật với anh K nên T1 đồng ý.

Sau đó, bị cáo đi gặp anh K giả vờ nói là anh T đòi lại số tiền 12.500.000 đồng là do không có đường cho xe vào chở cây cao su sau khi cưa ra ngoài nên anh T không mua cây nữa. Anh K bảo phải có anh T thì mới trả lại tiền. Nghe vậy Đức lấy điện thoại gọi cho T1 giả vờ nói với T1 là anh nói chuyện với chủ nhà nè. Do đã thỏa thuận với nhau từ trước nên khi nghe Đức nói vậy T1 hiểu là phải giả làm T để lấy lại tiền cọc cho Đức nên khi nghe anh K nói: “Alô” thì T1 trao đổi với anh K với nội dung không mua cây nữa cho lấy lại tiền cọc. Anh K tin tưởng người nói chuyện qua điện thoại là anh T nên đồng ý đưa tiền cho bị cáo nhưng không đưa 12.500.000 đồng mà chỉ đưa cho bị cáo 10.000.000 đồng vì trong số đó anh K trừ 1.000.000 đồng là tiền phá (hủy) hợp đồng và 1.500.000 đồng trước đây đã đưa cho bị cáo. Sau khi chiếm đoạt được 10.000.000 đồng của anh K Đức trả nợ cho T1 1.000.000 đồng, phần còn lại tiêu xài hết.

Đến ngày 10/11/2017, anh T phát hiện vườn cây của anh K có người đang cưa cây nên đi đến nhà hỏi anh K. Biết bị bị cáo lừa nên anh K đã trả lại cho anh T 12.500.000 đồng. Anh T thấy anh K bị lừa nên cho lại anh K 1.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra thu giữ

- 01 sim điện thoại số 01634020019, 01 thẻ nhựa đựng sim, 01 sim điện thoại số 0931557129, 01 ví da, 01 thẻ bảo hiểm y tế ghi tên Điều Đ và số tiền 9.000 đồng Đối với 01 điện thoại di động bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội đã làm mất và số tiền 37.000.000 đồng chiếm đoạt được của các bị hại bị cáo đã tiêu xài hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 20/CT – VKSBL ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL truy tố bị cáo Điều Đ về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo đồng ý với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL tại phiên tòa. Bị cáo không tranh luận gì, lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận xin Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã BL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã BL, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay, bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Do không có tiền để tiêu xài, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên trong khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 11/2017, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể: Vào ngày 15/10/2016 tại dịch vụ tiệc cưới Hoa Liên thuộc khu phố Ph HI, phường Phú Đ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước bị cáo dùng thủ đoạn gian dối giả vờ đặt 20 bàn tiệc và lừa chị Liên mượn 16.000.000 đồng để mua bò đãi tiệc, sau đó bị cáo tiếp tục gọi điện thoại cho chị Liên giả vờ nói đã mua được bò rồi mượn thêm 3.000.000 đồng để trả tiền xe chở bò. Tuy nhiên thực tế bị cáo không mua bò và cũng không mời khách dự tiệc mà sử dụng tiền để tiêu xài cá nhân. Ngày 08/03/2017, bị cáo dẫn anh Trần Văn Ngh đến xem một vườn cây cao su ở xã Thanh Lương, thị xã BL (Vườn của anh Nguyễn Hữu Tr) để mua cây cao su thanh lý. Bị cáo không biết chủ vườn là ai, đồng thời anh Trung cũng không có kêu bán cây cao su. Tuy nhiên, bị cáo đã gian dối viết giấy bán toàn bộ cây cao su của vườn cây cao su trên cho anh Nghĩa với

giá là 22.000.000 đồng và nhận ứng trước số tiền 7.000.000 đồng. Cũng với thủ đoạn trên, bị cáo biết rõ bà Nguyễn Thị Tím, ngụ tại: Tổ 03, ấp 17, xã Thanh Phú, thị xã BL không có kêu bán cây cao su thanh lý nhưng ngày 15/03/2017 bị cáo giới thiệu cho anh Nghĩa mua cây cao su thanh lý của bà Tím và nhận ứng trước số tiền 1.000.000 đồng. Tất cả số tiền ứng trước của anh Nghĩa bị cáo sử dụng để tiêu xài cá nhân. Ngày 07/11/2017, bị cáo giới thiệu cho anh T mua cây cao su thanh lý của anh Điều K thuộc ấp Phổ Lố, xã Thanh Lương với giá 12.500.000 đồng. Đến ngày 08/11/2017 bị cáo nói dối với anh Điều K anh T không mua nữa và yêu cầu trả lại tiền, bị cáo đã gian dối gọi điện cho Nguyễn Đăng T nhờ T1 giả làm anh T nói chuyện với anh K về việc không mua cây cao su. Sau khi nói chuyện với T1 anh K đã tin tưởng và giao trả cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo sử dụng số tiền trên để tiêu sài cá nhân. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, với biên bản khám nghiệm hiện trường và tang vật thu giữ được, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 37.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay có đầy đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Điều Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo liều lĩnh, xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến

quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tội phạm đã hoàn thành. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do xem thường pháp luật, tham lam, lười biếng muốn có nhiều tiền để tiêu xài nhưng không phải lao động nên vẫn cố ý phạm tội. Từ ngày 15/10/2016 đến ngày 08/11/2017, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục bị cáo và làm gương cho người khác.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139 điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa những người bị hại: Phan Hoa L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 19.000.000 đồng; Trần Văn Ngh yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; Điều K yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Xét yêu cầu của những người bị hại là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khi bị cáo giới thiệu cho anh T mua vườn cây sao su của anh Điều K, anh T cho bị cáo 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền công môi giới và đưa cho bị cáo 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) để xin đường cho xe vào chở cây cao su. Quá trình giải quyết vụ án, tại Cơ quan điều tra anh T trình bày không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên. Do đó, hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tang vật của vụ án:

Đối với 01 sim điện thoại số 0931557129, 01 thẻ nhựa đựng sim, 01 ví da, 01 thẻ bảo hiểm y tế ghi tên Điều Đ là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 9.000 đồng (*Chín nghìn đồng*) là tài sản của bị cáo. Xét thấy cần dùng số tiền trên để bồi thường cho những người bị hại Điều K, Trần Văn Ngh, Phan Hoa L mỗi người 3.000 đồng (*Ba nghìn đồng*)

Đối với 01 sim điện thoại số 01634020019, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định “*Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm*” “*Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng*”. Do đó, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng của vụ án, xử lý trách nhiệm dân sự, xử lý án phí là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Đăng T có hành vi giả làm anh T để giúp bị cáo chiếm đoạt tiền của anh Điều K nhưng T1 không biết bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh K. Mặt khác T1 biết bị cáo trước đây cũng thường cùng bạn bè đi mua các vườn cây cao su thanh lý và nghĩ bị cáo cùng bạn có đặt cọc tiền với anh K nên T1 đồng ý giúp bị cáo để dễ lấy lại tiền đã đặt cọc. Do đó cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với T1 là phù hợp.

Từ các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Điều Đ** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Điều Đ** 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2018.

2/ Xử lý tang vật:

- Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo 01 sim điện thoại số 0931557129, 01 thẻ nhựa đựng sim, 01 ví da, 01 thẻ bảo hiểm y tế ghi tên Điều Đ

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 01634020019

Chi trả bồi thường cho những người bị hại: Điều K, Trần Văn Ngh, Phan Hoa L mỗi người 3.000 đồng (*Ba nghìn đồng*) trong số tiền 9.000 đồng (*Chín nghìn đồng*) thu giữ bị cáo.

Tang vật trên hiện Chi cục thi hành án dân sự thị xã BL đang quản lý theo biên bản bàn giao số 0002539 ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã BL .

3/ Xử lý trách nhiệm dân sự

Áp dụng điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại Điều K, Trần Văn Ngh, Phan Hoa L là 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng*). Sau khi khấu trừ số tiền 9.000 đồng (*Chín nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo (bồi thường cho mỗi người 3.000 đồng) buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho:

Anh Điều K số tiền 9.997.000 đồng (*Chín triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Anh Trần Văn Ngh số tiền 7.997.000 đồng (*Bảy triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Chị Phan Hoa L số tiền 18.997.000 đồng (*Mười tám triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

2/ Xử lý án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Điều Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.849.550 (*Một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh bình Phước;
- VKSND thị xã BL ;
- Công an thị xã BL ;
- THA DS thị xã BL ;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ công an tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Tòa

Nguyễn Hữu Đức